TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07-8-2023
"V/v Ly hôn giữa bà N và ông T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Ông Trang Minh Tú- Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 118/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 110/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Dương Thị N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ x, ấp H, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: **Ông Lưu Văn T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án bà Dương Thị N trình bày như sau:

Bà Dương Thị N (Gọi tắt bà N) và ông Lưu Văn T (Gọi tắt ông T) chung sống với nhau vào năm 2004 hôn nhân tự nguyện được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/8/2006 theo quy định.

Bà N và ông Tchung sống hạnh phúc được một năm rưỡi thì vợ chồng xảy ra cự cãi bất hòa làm cho đời sống chung không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do không tìm được tiếng nói chung, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng cũng đã hàn gắn nhưng không có kết quả vì vậy đã tự sống ly thân với nhau khoảng 15 năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau. Bà N xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng hôn nhân không thể duy trì nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Dương Thị N xác định vợ chồng có một con chung tên Lưu Dương Chí K, sinh ngày 25/5/2005 hiện tại đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung của vợ chồng: Bà N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung của vợ chồng: Bà N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn ông Lưu Văn T vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị N.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); giấy khai sinh con chung (Bản sao); căn cước công dân + sổ hộ khẩu (Bản photo). Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định, bà Dương Thị N và ông Lưu Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt đề nghị áp dụng Điều 228 xét xử vắng mặt bà N, ông T.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho bà N được ly hôn với ông T; về con chung đã trưởng thành phát triển bình thường nên không đề cập đến vấn đề nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung vợ chồng không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa bà Dương Thị N và ông Lưu Văn T vắng mặt nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà N, ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ pháp luật: Bà N yêu cầu ly hôn với ông T nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn".

Bà N và ông T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn vào năm 2004, bà N và ông T chung sống được khoảng một năm rưỡi thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống . Vợ chồng đã tìm cách hàn gắn nhưng hôn nhân không được cải thiện vì vậy vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 15 năm, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã mở phiên hòa giải để hòa giải đoàn tụ nhưng ông T có đơn vắng mặt, không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân và quá trình giải quyết vụ án bà N đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T. Từ đó có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N được ly hôn với ông T**.**

Về con chung: Bà N, ông T có một người con chung tên Lưu Dương Chí K, sinh ngày 25/5/2005. Qúa trình giải quyết vụ án cháu Lưu Dương Chí K có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn, đến hiện tại Lưu Dương Chí K đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không đề cập đến trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung của vợ chồng và nợ chung của vợ chồng: Bà N xác định không có, các đương sự không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà N là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Dương Thị N và ông Lưu Văn T.

2. Về con chung: Bà Dương Thị N và ông Lưu Văn T có 01 người con chung tên Lưu Dương Chí K, sinh ngày 25/5/2005. Hiện nay Lưu Dương Chí K đã trưởng thành và phát triển bình thường muốn sống với cha hay mẹ tùy theo nguyện vọng của Lưu Dương Chí K Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà Dương Thị N xác định không có, các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Dương Thị N có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004045 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Bà Dương Thị N đã nộp đủ án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu, HS, VP.